CẬP NHẬT KẾT QUẢ KINH DOANH QUÝ 3/2025

CTCP Vận tải và Xếp dỡ Hải An

Ngày 30/09/2025	53,800 VNĐ		
Thay đổi	*1 tháng*	*3 tháng*	*6 tháng*
	-6.4%	**1.7%**	**34.0%**

DT thuần
Q3/25
1,348
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 73.0| 5.7%
YoY: ▲ 219| 19.4%

LN thuần
Q3/25
438
tỷ VNĐ
QoQ: ▼77.0| -15.0%
YoY: ▲ 112| 34.3%

LN sau thuế
Q3/25
353
tỷ VNĐ
QoQ: ▼61.0| -14.7%
YoY: ▲ 76.0| 27.4%

Tỷ suất lãi EBIT
Q3/25
34.5%
YoY: +/-▼ 8.2%

ROE (TTM)
Q3/25
27.2%
YoY: +/-▲ 0.9%

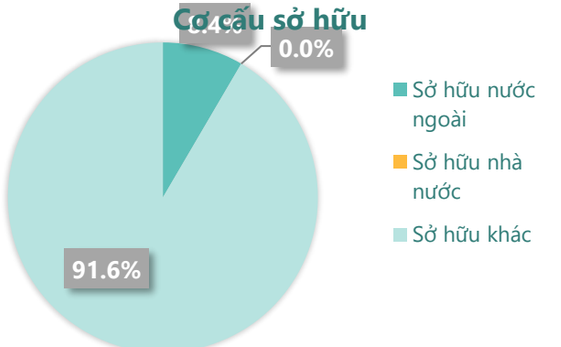
Sàn giao dịch	HSX
Khoảng giá 52 tuần	30,402 - 64,400
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	9,085
Số lượng CPLH (CP)	168,861,212
KLGD BQ 20 phiên (CP)	2,118,710
Sở hữu nước ngoài	8.4%
Beta	1.05
EPS	6,983
P/E	7.7

DT thuần
9T 2025
3,791
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 1,010| 36.3%

LN thuần
9T 2025
1,285
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 719| 127%

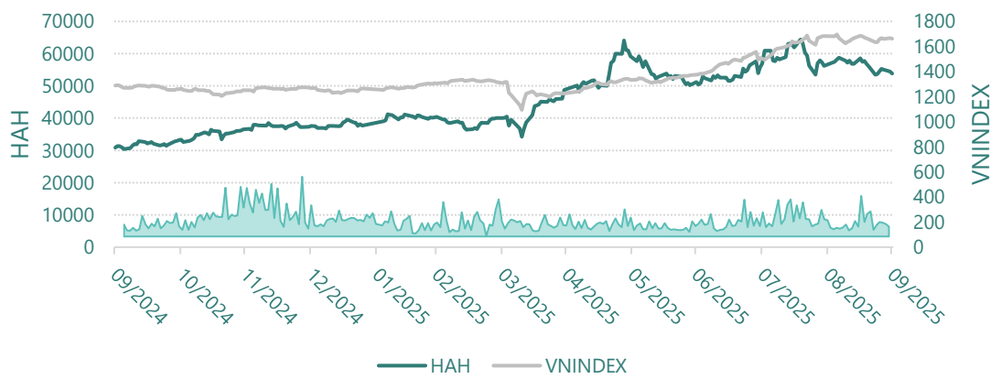
LN sau thuế
9T 2025
1,041
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 589| 130%

Cơ cấu sở hữu

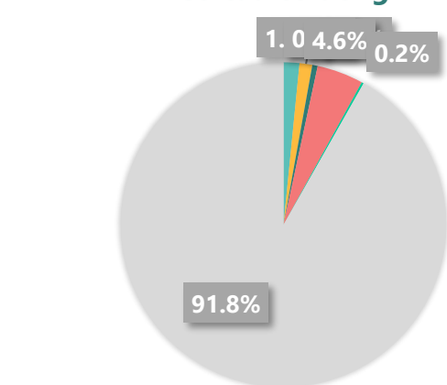


(Nguồn: fireant.vn)

Lịch sử giá



Cơ cấu cổ đông

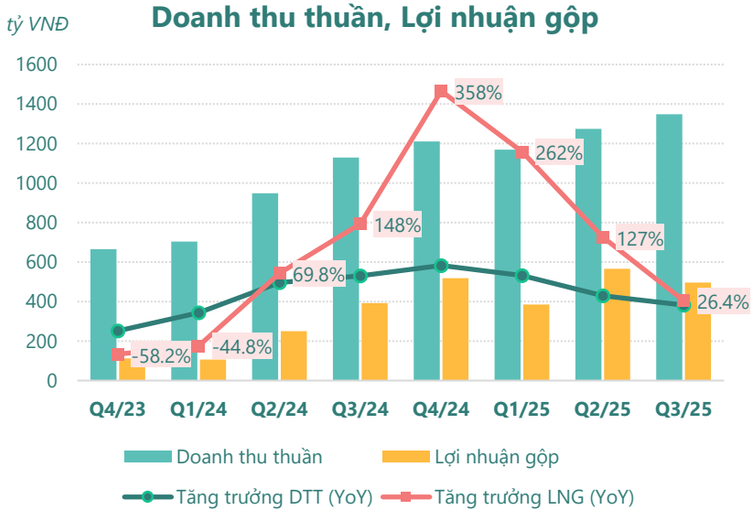


- CTCP Đầu tư và Vận tải Hải Hà
- CTCP Container Việt Nam
- Công ty TNHH Vận tải và Đại lý vận tải Đa phương thức
- CTCP Quản lý quỹ Leadvisors
- Vũ Ngọc Sơn
- Khác

(Nguồn: fireant.vn)

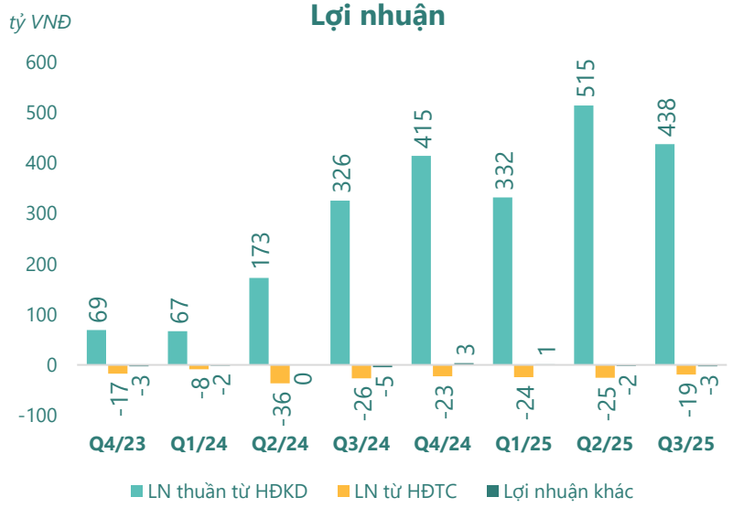
KẾT QUẢ KINH DOANH

Doanh thu thuần, Lợi nhuận gộp



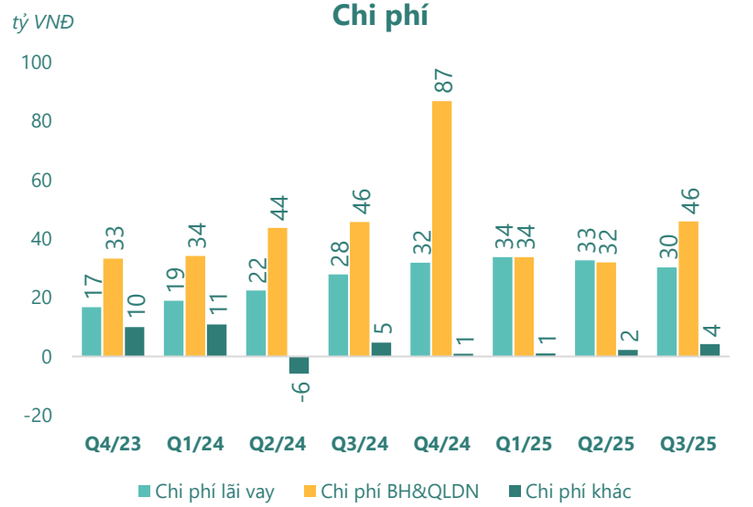
(Nguồn: fireant.vn)

Lợi nhuận



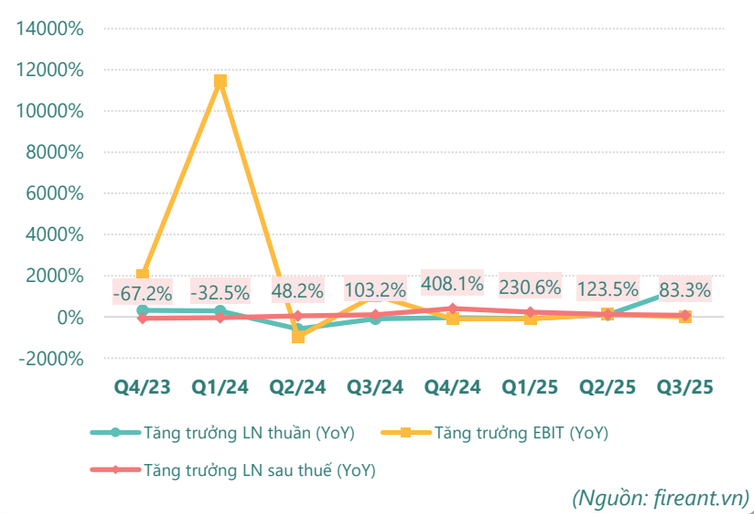
(Nguồn: fireant.vn)

Chi phí



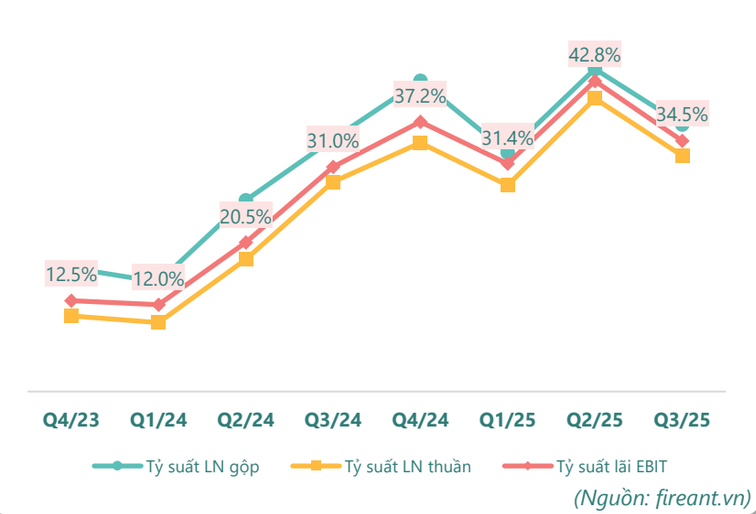
(Nguồn: fireant.vn)

Tăng trưởng lợi nhuận



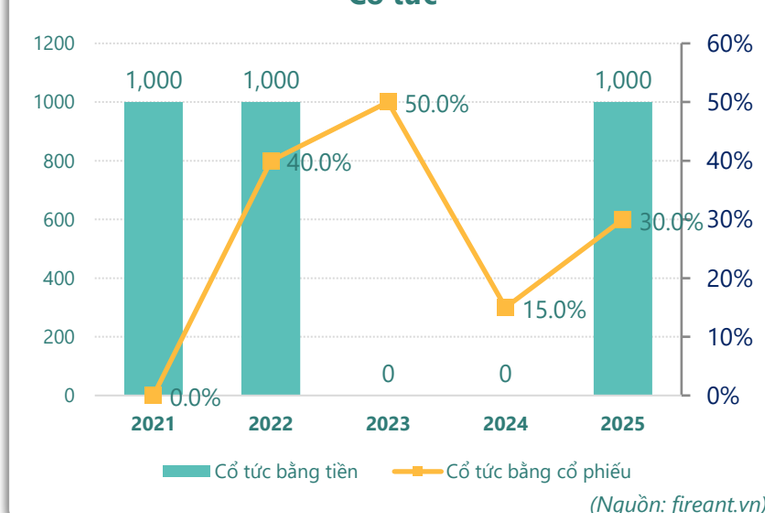
(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất sinh lợi



(Nguồn: fireant.vn)

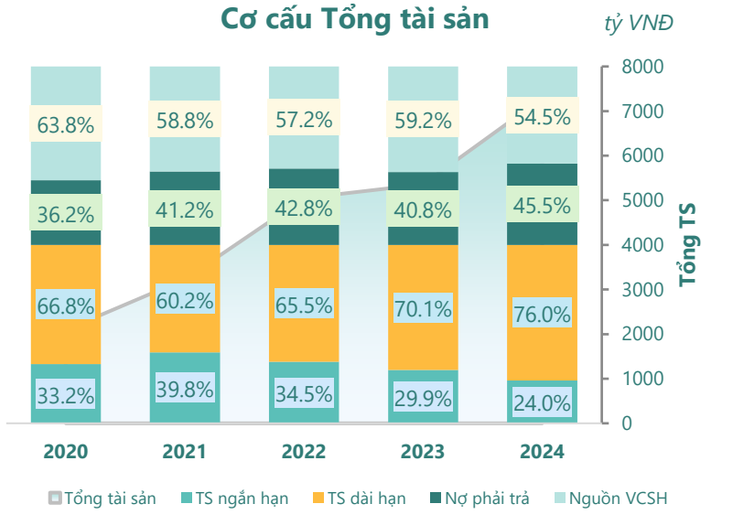
Cổ tức



(Nguồn: fireant.vn)

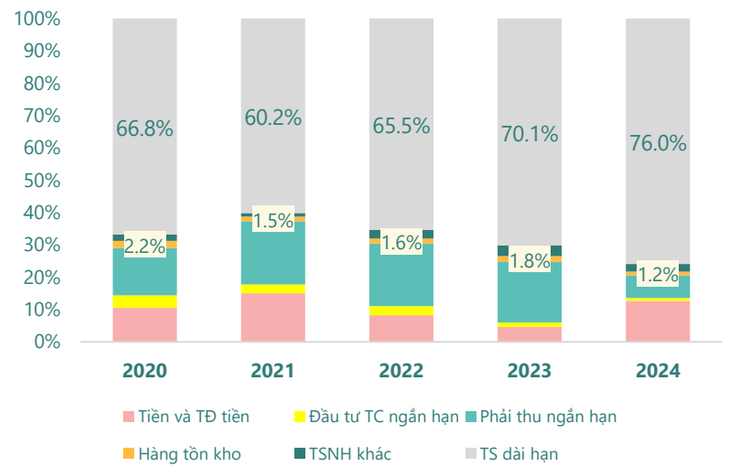
TÀI SẢN - NGUỒN VỐN

Cơ cấu Tổng tài sản



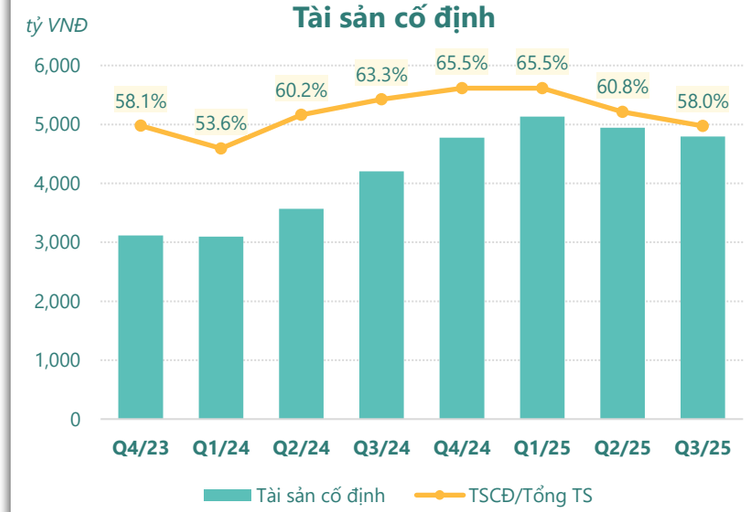
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu TS ngắn hạn/Tổng TS



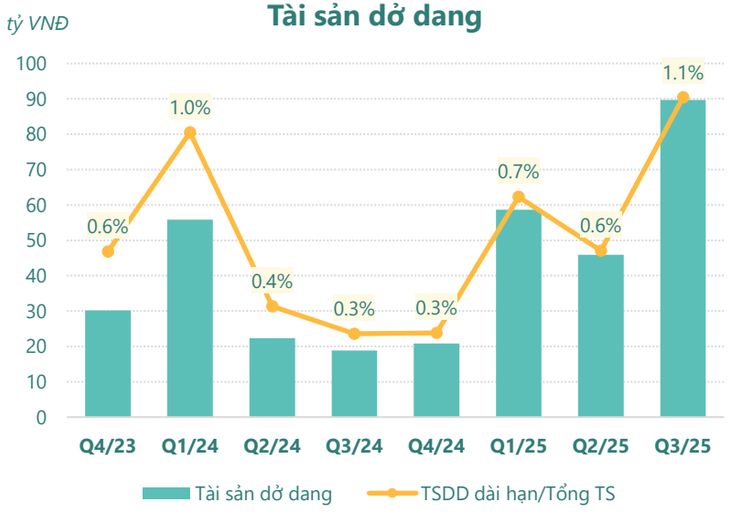
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



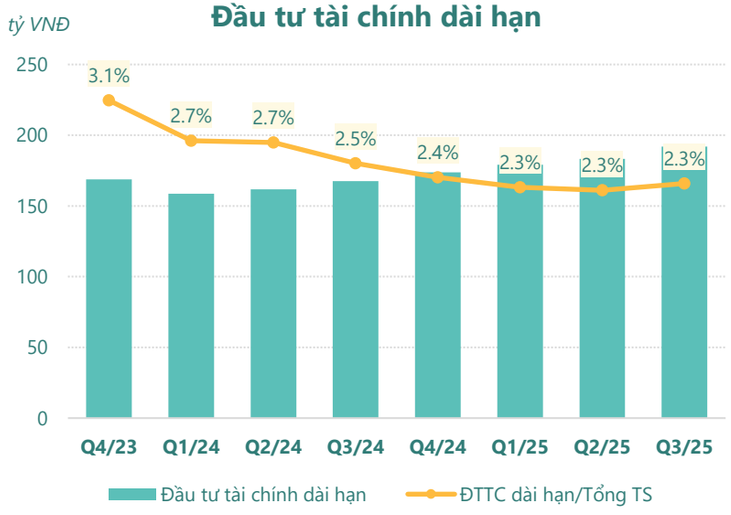
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang



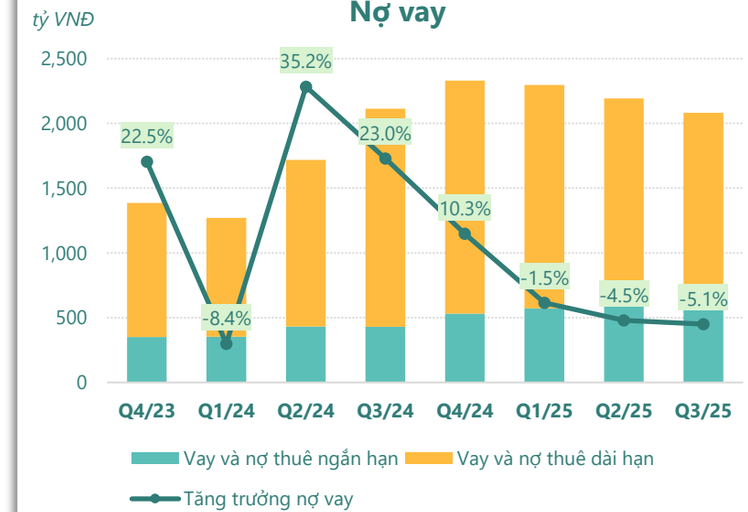
(Nguồn: fireant.vn)

Đầu tư tài chính dài hạn



(Nguồn: fireant.vn)

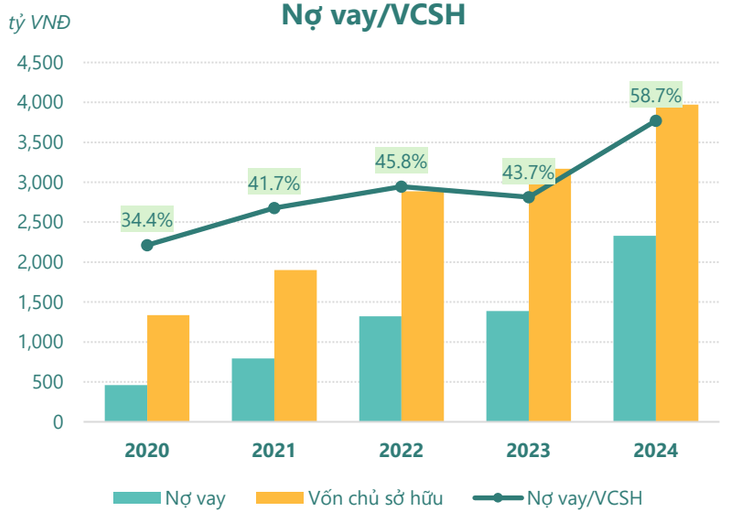
Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

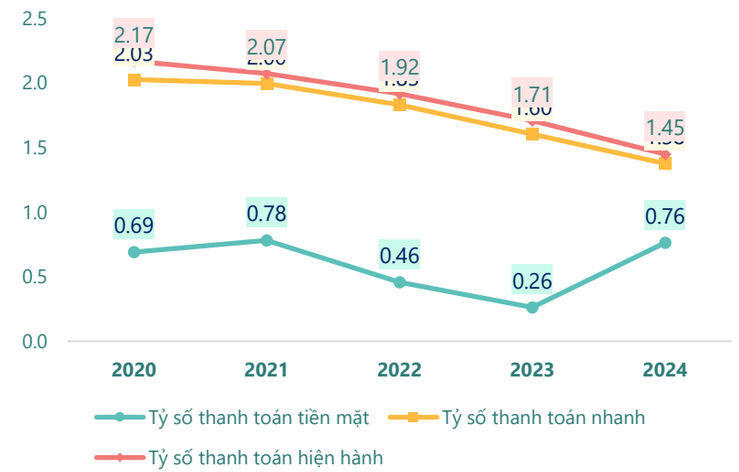
HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG

Nợ vay/VCSH



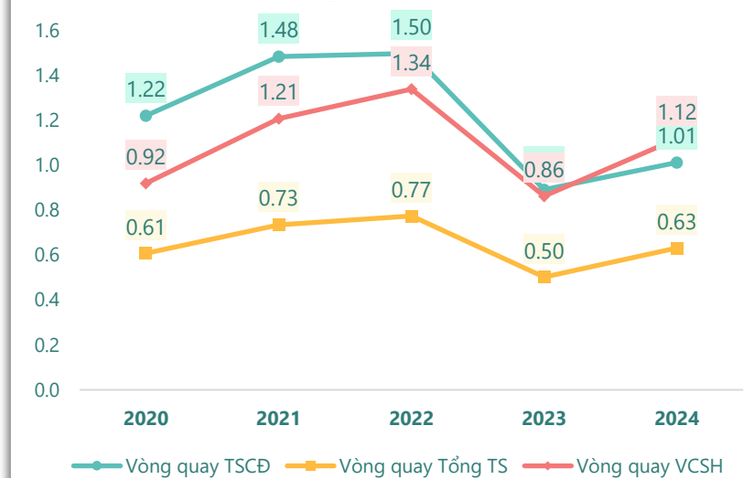
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



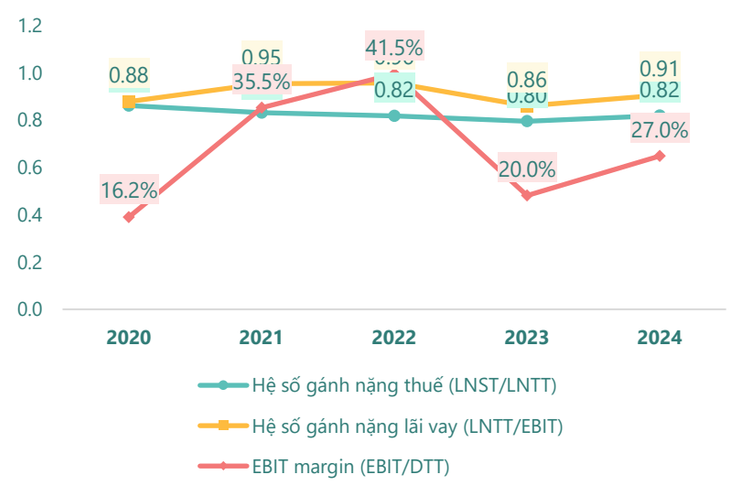
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



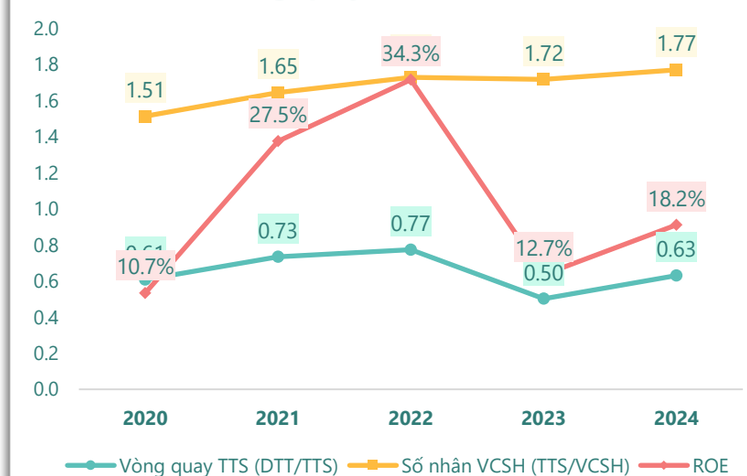
(Nguồn: fireant.vn)

Hệ số gánh nặng thuế và lãi vay



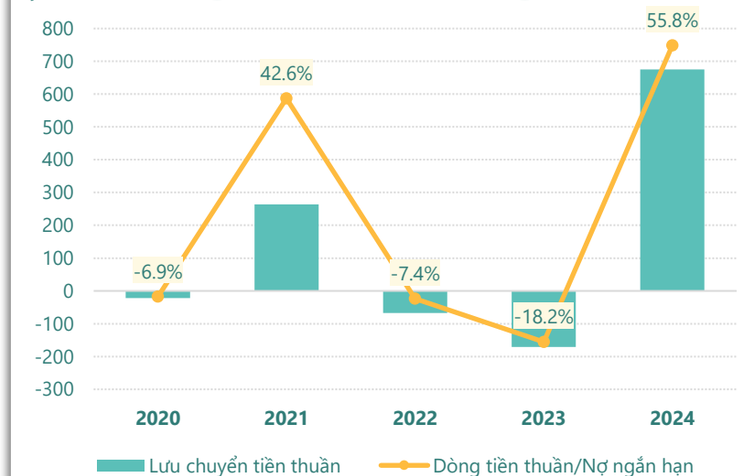
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản và ROE



(Nguồn: fireant.vn)

Dòng tiền thuần trên Nợ ngắn hạn



(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH *(tỷ VNĐ)*	Q3/25	Q3/24	Thay đổi YoY	9T 2025	9T 2024	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	**1,348**	**1,129**	**19.4%**	**3,791**	**2,781**	**36.3%**
Giá vốn hàng bán	852	736	15.7%	2,344	2,033	15.3%
Lợi nhuận gộp	496	392	26.5%	1,447	748	93.4%
Doanh thu HĐTC	14.3	7.77	84.3%	40.0	16.5	143%
Chi phí TC	33.5	34.2	-2.1%	109	87.7	24.2%
Chi phí lãi vay	30.3	28.0	8.3%	96.8	69.3	39.7%
LN trong công ty LKLD	**7.02**	**5.81**	**20.8%**	**18.1**	**12.1**	**49.9%**
Chi phí bán hàng	45.9	0.00		45.9	0	
Chi phí QLDN	**0**	**45.7**	**-100%**	**65.8**	**124**	**-46.8%**
LN thuần từ HĐKD	438	326	34.3%	1,285	566	127%
Lợi nhuận khác	**-2.76**	**-4.64**	**40.6%**	**-3.86**	**-6.49**	**40.5%**
LN trước thuế	435	321	35.5%	1,281	559	129%
Lợi nhuận sau thuế	**353**	**277**	**27.4%**	**1,041**	**452**	**130%**
LNST của CĐ cty mẹ	**304**	**199**	**52.8%**	**899**	**370**	**143%**

(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền tệ *(tỷ VNĐ)*	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	281	365	658	490	483	353
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	-483	-351	-733	-537	-467	-311
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-61.3	396	217	169	-133	-113
Tiền đầu kỳ	632	368	775	922	1,045	929
Lưu chuyển tiền thuần	**-264**	**410**	**143**	**122**	**-117**	**-71.0**
Ảnh hưởng tỷ giá	0.03	-2.97	4.34	0.87	0.74	-1.32
Tiền cuối kỳ	368	775	922	1,045	929	857

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN *(tỷ VNĐ)*	Tại ngày 30/9/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	**8,265**	**7,290**	**13.4%**
Tài sản ngắn hạn	2,475	1,753	41.2%
Tiền và tương đương tiền	857	922	-7.1%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	37.5	70.5	-46.8%
Phải thu ngắn hạn	1,352	504	168%
Hàng tồn kho	138	87.8	56.8%
Tài sản ngắn hạn khác	91.9	168	-45.4%
Tài sản dài hạn	**5,790**	**5,537**	**4.6%**
Phải thu dài hạn	113	113	0.0%
Tài sản cố định	4,795	4,775	0.4%
Bất động sản đầu tư	14.9	0	
Tài sản dở dang	89.7	20.8	331%
Đầu tư tài chính dài hạn	192	174	10.4%
Tài sản dài hạn khác	**585**	**382**	**53.3%**
Lợi thế thương mại	0	72.3	-100%
Nợ phải trả	3,230	3,318	-2.6%
Nợ ngắn hạn	**1,479**	**1,210**	**22.2%**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	640	532	20.2%
Phải trả người bán ngắn hạn	245	206	19.4%
Nợ dài hạn	1,751	2,108	-16.9%
Vay và nợ thuê dài hạn	1,442	1,798	-19.8%
Nguồn vốn chủ sở hữu	**5,035**	**3,972**	**26.8%**
Vốn chủ sở hữu	**5,035**	**3,972**	**26.8%**
Vốn điều lệ	1,689	1,213	39.2%
Kinh phí và quỹ khác	**0**	**0**	

(Nguồn: fireant.vn)